|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH LAI CHÂU**Số: /2025/NQ-HĐNDDỰ THẢO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lâp - Tự do - Hạnh phúc***Lai Châu, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ QUYẾT**

Quy định chính sách **về phát triển nông nghiệp**

**hàng hóa tập trung giai đoạn 2026- 2030**

*Căn cứ Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;* *Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2026 – 2030; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày / /2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2026- 2030”*

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định về chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2026 – 2030, bao gồm các hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm, phát triển các sản phẩm OCOP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ (từ 5 hộ tham gia trở lên), hộ gia đình, cá nhân;

b) Các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, được cụ thể hóa bằng kế hoạch hằng năm và kế hoạch 5 năm của tỉnh, xã/phường.

2. Hỗ trợ phải phù hợp với định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá do cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải thực hiện đầy đủ các cam kết đã đăng ký, nếu không thực hiện đúng thì phải bồi hoàn số kinh phí đã được hỗ trợ.

4. Trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau thì đối tượng hỗ trợ được lựa chọn hưởng một chính sách.

5. Hỗ trợ bằng tiền, sau đầu tư.

**Điều 3. Nội dung hỗ trợ**

1. Hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn (VietGAP và tương đương, Hữu cơ, tiêu chuẩn xuất khẩu...)

a) Hỗ trợ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá giống; 50% giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để sản xuất. Hỗ trợ 3 năm đối với cây lâu năm (chè, cây ăn quả, cây dược liệu lâu năm); 3 vụ sản xuất đối với cây hàng năm (cây rau màu, cây ăn quả, cây dược liệu hàng năm).

- Điều kiện hỗ trợ: Diện tích gieo trồng tập trung đảm bảo tối thiểu 03 ha đối với cây rau củ, quả; 05 ha đối với cây ăn quả, chè, cây dược liệu. Hỗ trợ theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ chi phí cấp giấy chứng nhận

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% chi phí điều tra khảo sát, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, mẫu sản phẩm, chi phí đánh giá chứng nhận. Hỗ trợ một lần tối đa 100 triệu đồng/sản phẩm.

- Điều kiện hỗ trợ: Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ, VietGAP và tương đương. Cam kết duy trì áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn tối thiểu 3 năm.

2. Hỗ trợ thiết lập hồ sơ cấp mã số vùng trồng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, xây dựng mã số vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân, tối đa không quá 50 triệu đồng/mã số vùng trồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Diện tích tối thiểu của vùng trồng 10 ha đối với cây lâu năm, 01 ha đối với cây hàng năm. Trong trường hợp có yêu cầu khác về diện tích hoặc kỹ thuật của nước nhập khẩu thì áp dụng theo yêu cầu đó; được cấp có thẩm quyền cấp mã số vùng trồng.

3. Hỗ trợ trồng Mắc ca xen chè

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân thực hiện trồng Mắc ca xen chè. Mức hỗ trợ: 06 triệu đồng/ha.

b) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có vùng nguyên liệu chè hoặc trồng chè trên diện tích đất được giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích trồng mắc ca được nghiệm thu đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ sống theo quy định.

4. Hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi

a) Hỗ trợ một lần chi phí xây dựng chuồng trại, mức hỗ trợ 600.000 đồng/m2, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp, hợp tác xã: Không quá 800m2/cơ sở.

Tổ hợp tác, nhóm hộ: Không quá 500m2/cơ sở.

Hộ gia đình, cá nhân: Không quá 200m2/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối với cơ sở chăn nuôi có quy mô tối thiểu: Đại gia súc (trâu, bò, ngựa) 15 con; Lợn thịt 50 con; Dê 50 con; gia súc khác 300 con; tiêu chuẩn chuồng trại đảm bảo theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; phải có cam kết chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh môi trường; duy trì đảm bảo quy mô tối thiểu trong thời gian 3 năm; đối với chăn nuôi đại gia súc phải có diện tích trồng cỏ và các loại cây thức ăn cho gia súc.

5. Hỗ trợ làm hầm biogas và đệm lót sinh học

a) Hỗ trợ một lần chi phí xây dựng, lắp đặt mới hầm biogas để xử lý chất thải chăn nuôi, mức hỗ trợ 1.400.000 đồng/m3, cụ thể theo từng đối tượng như sau:

Doanh nghiệp, hợp tác xã: Không quá 150m3/cơ sở.

Tổ hợp tác, nhóm hộ: Không quá 70 m3/cơ sở.

Hộ gia đình, cá nhân: Không quá 35 m3/cơ sở.

b) Hỗ trợ một lần làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi, mức hỗ trợ 140.000 đồng/m2, cụ thể thao từng đối tượng như sau:

Doanh nghiệp, hợp tác xã: Không quá 600m2/cơ sở.

Tổ hợp tác, nhóm hộ: Không quá 400m2/cơ sở.

Hộ gia đình, cá nhân: Không quá 250m2/cơ sở.

c) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định đối với hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi.

6. Hỗ trợ xây dựng bể nuôi cá nước lạnh

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí xây dựng bể nuôi, mức hỗ trợ tối đa, không quá 400.000 đồng/m2, cụ thể hỗ trợ theo từng đối tượng như sau:

Doanh nghiệp, hợp tác xã: Không quá 600 triệu đồng/cơ sở.

Tổ hợp tác, nhóm hộ: Không quá 400 triệu đồng/cơ sở.

Hộ gia đình, cá nhân: Không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân tham gia nuôi cá nước lạnh trên địa bàn tỉnh. Chấp hành các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản. Địa điểm xây dựng bể nuôi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản hoặc trong quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản. Bể nuôi bê tông, xây kiên cố, đảm bảo chắc chắn, đủ điều kiện để nuôi; có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt. Con giống sử dụng trong nuôi trồng phải hợp pháp. Diện tích bể nuôi tối thiểu để được hỗ trợ 100m2/bể.

7. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung quy mô từ 20 đến dưới 100 gia súc hoặc từ 200 đến dưới 1.000 gia cầm/ngày; mức hỗ trợ tối đa 60% chi phí đầu tư nhưng không quá 3 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở giết mổ động vật tập trung phải nằm trong quy hoạch, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo Luật doanh nghiệp; cá nhân có giấy phép kinh doanh theo Luật doanh nghiệp; hợp tác xã có giấy đăng ký hợp tác xã theo Luật hợp tác xã. Phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung theo Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT.

8. Hỗ trợ xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận Cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (hỗ trợ chứng nhận lần đầu), mức hỗ trợ 100% chi phí thực hiện và không vượt quá 75 triệu đồng/01 loại bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh trong trường hợp thực hiện lấy mẫu giám sát bệnh; 40 triệu đồng/01 loại bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh trong trường hợp thực hiện lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại đáp ứng các điều kiện theo quy định của [Luật Chăn nuôi 2018](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Chan-nuoi-2018-353242.aspx) và có Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

9. Hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn

a) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% tiền mua vắc xin, vật tư phục vụ công tác tiêm phòng, cụ thể: Đối với trâu, bò hỗ trợ vắc xin Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng; Đối với lợn sinh sản, lợn giống hỗ trợ vắc xin Tụ huyết trùng, Dịch tả lợn cổ điển và Dịch tả lợn Châu Phi; Đối với chó, mèo: Hỗ trợ vắc xin Dại; Hỗ trợ vắc xin phòng các dịch bệnh nguy hiểm mới phát sinh khác theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Hỗ trợ 100% tiền công tiêm phòng cho đàn gia súc và vật nuôi, cụ thể: Hỗ trợ tiêm phòng mũi đầu đối với trâu, bò 4.800 đồng và từ mũi thứ 2 là 1.900 đồng; công tiêm phòng mũi đầu đối với lợn 2.900 đồng và từ mũi thứ 2 là 1.900 đồng; Tiêm phòng cho chó, mèo 5.900 đồng/mũi.

Hỗ trợ gia súc chết do phản ứng trong tiêm phòng vắc xin: Trâu, bò: 50.000 đồng/kg thịt hơi; lợn: 40.000 đồng/kg thịt hơi.

Hỗ trợ lấy mẫu xét nghiệm đối với chủ vật nuôi có gia súc, gia cầm, vật nuôi được lấy mẫu giám sát chủ động và giám sát sau tiêm phòng vắc xin. Mức hỗ trợ bằng 1/2 ngày công (ngày làm việc): 200.000 đồng/hộ.

Hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia tiêu hủy gia súc, gia cầm; sản phẩm gia súc, gia cầm do các lực lượng phòng, chống buôn lậu, trạm kiểm dịch động vật phát hiện xử lý buộc phải tiêu hủy; phun hóa chất khử trùng tiêu độc trong các đợt tổ chức “Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường” hàng năm. Mức hỗ trợ: Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết; Đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Chủ vật nuôi có gia súc và vật nuôi thuộc diện phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin theo quy định; chủ vật nuôi có gia súc, gia cầm, vật nuôi được lấy mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn và cấp có thẩm quyền; Các nội dung được hỗ trợ phải nằm trong kế hoạch hàng năm hoặc thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Người trực tiếp tham gia tiêm phòng cho đàn gia súc, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống dịch bênh theo quy định tại điểm a của quy định này (phần Nội dung, mức hỗ trợ) phải được cơ quan, đơn vị nhà nước có thẩm quyền phân công hoặc huy động bằng văn bản.

10. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP

a) Hỗ trợ một lần chi phí cho chủ thể lần đầu tham gia Chương trình OCOP để hoàn thiện hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm các cấp theo quy định *(Thuê chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn xây dựng hồ sơ; viết câu chuyện sản phẩm; in, phô tô, công chứng hồ sơ cho Hội đồng đánh giá các cấp; xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm, cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm; truy xuất nguồn gốc và các minh chứng để hoàn thiện hồ sơ)*, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/sản phẩm.

b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí thiết kế, in, mua bao bì, nhãn mác sản phẩm cho chủ thể lần đầu tham gia Chương trình OCOP để tham gia đánh giá, phân hạng các cấp; mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

c) Hỗ trợ tối đa 60% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm và nhà kho, nhà xưởng, cụ thể theo từng đối tượng như sau:

Doanh nghiệp, hợp tác xã: Không quá 500 triệu đồng;

Tổ hợp tác, nhóm hộ: Không quá 300 triệu đồng;

Hộ sản xuất kinh doanh: Không quá 200 triệu đồng.

d) Thưởng cho chủ thể tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm được công nhận: 100 triệu đồng/01 sản phẩm đạt 5 sao; 30 triệu đồng/01 sản phẩm đạt 4 sao; 10 triệu đồng/01 sản phẩm đạt 3 sao. Trường hợp sản phẩm của chủ thể tham gia nâng cấp được đánh giá, phân hạng năm sau cao hơn năm trước thì được thưởng thêm phần chênh lệch giữa 02 hạng sao cũ và mới.

đ) Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí xây dựng hoặc thuê điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, cụ thể như sau:

Đối với ngoại tỉnh: Không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

Các điểm du lịch, dịch vụ tại các xã: Không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

e) Điều kiện hỗ trợ:

Các chủ thể có đăng ký tham gia chương trình OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên.

Nội dung hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm và nhà kho, nhà xưởng: Phải đảm bảo phù hợp với quy mô, công xuất trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc phương án đầu tư sản xuất của cơ sở sản xuất kinh doanh.

Nội dung hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Bố trí 2/3 diện tích gian hàng để trưng bày và bán các sản phẩm OCOP của tỉnh; thời gian hoạt động tối thiểu: Đối với ngoại tỉnh, trung tâm thành phố 24 tháng, đối với các xã/phường 12 tháng.

11. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Hỗ trợ nhà màng, nhà lưới:

Nội dung hỗ trợ: Khung, màng phủ, lưới chắn và các vật tư khác;

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100 nghìn đồng/m2, không quá 01 tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã; không quá 700 triệu đồng/tổ hợp tác, nhóm hộ; không quá 500 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Hỗ trợ hệ thống tưới tiên tiến trong nhà màng

Hỗ trợ một lần 50% kinh phí đầu tư máy móc, vật tư, thiết bị xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tối đa 50 triệu đồng/nhà màng, nhà lưới.

c) Điều kiện hỗ trợ

Nhà màng, nhà lưới: Quy mô tối thiểu 1.500 m2 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; 800m2 đối với tổ hợp tác, nhóm hộ; 300 m2 đối với hộ gia đình, cá nhân.

12. Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản

a) Hỗ trợ một lần 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý môi trường, giao thông, điện nước, nhà xưởng và máy móc thiết bị chế biến nông, lâm, thủy sản và chế biến phân bón trong hàng rào.

b) Hỗ trợ một lần 60% kinh phí không quá 2 tỷ đồng/dự án để mua máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng để xử lý, bảo quản các sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

c) Điều kiện hỗ trợ

Dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư. Hoàn thành các thủ tục theo quy định.

Hoa, rau, củ quả phải có quy mô tối thiểu 50 tấn sản phẩm/năm; thủy sản có quy mô tối thiểu 5 tấn nguyên liệu/dây chuyền.

13. Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc của sản phẩm hàng hóa nông, lâm, thủy sản lưu thông trên thị trường và quản lý tem truy xuất nguồn gốc

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc của sản phẩm hàng hóa nông, lâm, thủy sản lưu thông trên thị trường và quản lý tem truy xuất nguồn gốc.

b) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc của sản phẩm hàng hóa nông, lâm, thủy sản lưu thông trên thị trường và quản lý tem truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Sản phẩm hàng hóa nằm trong danh mục sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.

14. Hỗ trợ chi phí quản lý cho các cơ quan, đơn vị khi triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí quản lý cho cấp tỉnh, cấp xã bằng 2% tổng kinh phí hỗ trợ trực tiếp: Cấp tỉnh 1%; cấp xã 1%.

b) Đối tượng hỗ trợ: Các cơ quan, đơn vị quản lý, chủ đầu tư thực hiện.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Chính sách này sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**Điều 5.** **Hồ sơ, trình tự thủ tục nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ**

1. Về hồ sơ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ của cấp có thẩm quyền.

c) Báo cáo kết quả triển khai đầu tư kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt.

d) Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, các hóa đơn, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư.

đ) Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề nghị nghiệm thu, giải ngân kinh phí hỗ trợ.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Sau khi hoàn thành các hạng mục được hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ có văn bản đề nghị nghiệm thu, giải ngân kinh phí hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ trì tổ chức nghiệm thu.

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nghiệm thu, UBND cấp xã tổ chức mời thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu gồm: đại diện lãnh đạo UBND cấp xã; Phòng kinh tế (hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng đối với 2 phường), Trạm khuyến nông tại địa bàn và các thành phần khác có liên quan.

c) Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục được nghiệm thu theo dự toán được phê duyệt và kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ kết quả nghiệm thu, trong vòng 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ.

đ) Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ, giải ngân được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

**Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV Kỳ họp thứ.... thông qua ngày......tháng.....năm 2025*./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ- Các Bộ: NN&MT, Tài chính;- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND các xã/phường;- Công báo tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH****Giàng Páo Mỷ** |